TỨ PHÁP VỚI TỤC CẦU ĐẢO CỦA CƯ DÂN NÔNG NGHIỆP QUA TƯ LIỆU SỬ

Nguyễn Thị Anh
Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Tóm tắt: *Cầu đảo (cầu mưa, cầu tạnh) Tứ Pháp là một nghi lễ mang tính tâm linh an dân trong quá trình trị nước của các triều đại quân chủ. Cơ sở của việc thực hiện nghi lễ cầu đảo xuất phát từ nền sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước, từ mô hình tiểu nông, phụ quyền, từ tư tưởng "Thiên nhân hợp nhất" của Đạo giáo và đặc biệt là sự du nhập của Phật giáo. Các bộ sử lớn của Việt Nam như Đại Việt sử kí toàn thư, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Việt sử lược,... có những ghi chép rất rõ ràng về việc nhà Lý, nhà Lê đã từng rước phật Pháp Vân về Kinh đô để cầu đảo. Thông qua các ghi chép ấy, chúng tôi tiến hành khảo sát, thống kê để tìm hiểu rõ về thời gian, địa điểm, cách thức, hiệu quả của việc cầu đảo Tứ Pháp. Từ đó khẳng định tục thờ Tứ Pháp là có cơ sở, có bề dày lịch sử, góp phần vào việc công nhận xếp loại các di tích liên quan đến tín ngưỡng Tứ Pháp ở Việt Nam.*
Từ khóa: *Cầu đảo, chùa Báo Thiên, Man Nương, Pháp Vân, Tứ Pháp.*

Nhận bài ngày 24.05.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 25.07.2025
Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Anh ; email: nguyenanhnt.hannom@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tín ngưỡng Tứ Pháp là một tín ngưỡng thờ thần dân gian lâu đời và độc đáo của người Việt, đặc biệt phổ biến ở vùng Đồng bằng Bắc bộ. Đây là sự hòa quyện giữa tín ngưỡng thờ các vị thần tự nhiên bản địa và Phật giáo du nhập từ Ấn Độ. Các vị thần Tứ Pháp bao gồm Pháp Vân (thần Mây), Pháp Vũ (thần Mưa), Pháp Lôi (thần Sấm), Pháp Điện (thần Chớp). Bốn vị thần này đều là nữ và được gọi là Phật vì có khả năng điều khiển các hiện tượng tự nhiên đặc biệt là mưa. Liên quan đến bốn vị thần này các bộ sử lớn *Đại Việt sử kí toàn thư* (*Toàn thư*), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (*Cương mục*) đều chép: dưới thời vua Lý Nhân Tông (1073-1127), Phật Pháp Vân đã từng được rước về Kinh đô Thăng Long để làm lễ cầu tạnh. Ghi chép này cho thấy Tứ Pháp gắn chặt với tục cầu đảo của cư dân nông nghiệp từ rất sớm. Sang đến thế kỉ thứ XV, Phật Pháp Vân vẫn được vua Lê Thái Tông (1434-1442) rước về kinh để cầu mưa. Trong bài viết này chúng tôi tập trung nghiên cứu về tín ngưỡng Tứ Pháp thông qua các bộ sử lớn của Việt Nam. Bằng phương pháp thống kê, liệt kê, phân tích tư liệu trong các bộ sử chính thống, chúng tôi lập bảng khảo sát để thấy rõ quá trình phát sinh, diễn biến, hiệu quả của nghi lễ cầu đảo Tứ Pháp. Từ đó khẳng định việc cầu đảo Tứ Pháp (cầu mưa, cầu tạnh) là việc quốc gia và diễn ra thường xuyên trong chế độ quân chủ. Nghiên cứu cũng góp phần khẳng định các lễ hội liên quan đến Tứ Pháp là có cơ sở, có lịch sử và cũng là căn cứ xếp hạng các di tích liên quan đến Tứ Pháp.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở của việc cầu đảo tứ pháp

Việt Nam là một nước nông nghiệp trồng lúa nước. Việc trồng lúa, ngoài hệ thống sông ngòi tự nhiên thì phụ thuộc hoàn toàn vào thời tiết. Nói về kinh nghiệm trồng lúa, ông cha ta có câu: "nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống". Trong bốn yếu tố "cần" cho nông nghiệp, nước vẫn phải là hàng đầu. Trong câu ca dao quen thuộc, người nông dân luôn đau đáu trông chờ nhìn ngó thời tiết rồi mới yên tâm cày cấy:

"Người ta đi cấy lấy công
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề

Trông trời, trông đất, trông mây
Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm
Trông cho chân cứng đá mềm
Trời yên biển nặng mới yên tấm lòng"

Từ việc quan sát lúc trời mưa, bầu trời thường xuất hiện bốn hiện tượng thiên nhiên: mây, mưa, sấm, chớp thì người ta tin rằng, mỗi hiện tượng thiên nhiên ấy là do một vị thần cai quản, làm phép mà có: mây là do thần Pháp Vân, mưa là do thần Pháp Vũ, sấm là do thần Pháp Lôi, chớp là do thần Pháp Điện.

Miền Bắc nước ta thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, phù hợp với trồng lúa nước. Người nông dân dựa vào quy luật mưa, nắng của thời tiết mà gieo trồng sao cho thích hợp với tự nhiên. Việc tận dụng các yếu tố thời tiết trong gieo trồng cũng là một kỹ năng trong sản xuất nông nghiệp. Nhưng thời tiết vẫn luôn tiềm ẩn yếu tố bất thường, không phải lúc nào cũng tuân theo quy luật bình thường như nắng gắt quá, mưa to quá hoặc nắng mưa trái vụ làm mất mùa. Trước sự thất thường của thời tiết, phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, trong điều kiện khoa học kỹ thuật chưa phát triển, nhận thức của con người về thế giới tự nhiên còn hạn chế, người xưa không có lời giải thỏa đáng dẫn đến tâm lý sợ hãi. Từ tâm lý sợ hãi dẫn đến sùng bái các hiện tượng tự nhiên như mây, mưa, sấm, chớp. Và kết quả họ coi những hiện tượng này là do các vị thần linh chủ quản mưa nắng tạo nên. Vì vậy, trước khi các tôn giáo trong đó có Phật giáo du nhập vào Việt Nam, người Việt cổ đã tưởng tượng các thần Mây, Mưa, Sấm, Chớp mà người ta hay gọi là "ông giời", "ông trời". Tuy nhiên, thông tin về các thần linh ấy chỉ là những chi tiết tản mạn để phỏng đoán về một loại hình tín ngưỡng dân gian trước khi Phật giáo phát triển ở Việt Nam. Thông qua các vị thần linh nông nghiệp và những ghi chép tản mạn này chúng ta biết rằng, trước khi chịu ảnh hưởng của các tôn giáo trong đó có Phật giáo, người Việt đã tồn tại một hệ thống tín ngưỡng dân gian mang đậm bản sắc của riêng mình.

Phật giáo du nhập vào nước ta khá sớm từ thế kỉ thứ I, bằng con đường hòa bình. Phật giáo mang theo tư tưởng từ bi, hỉ xả, cứu độ chúng sinh. Tư tưởng này khá tương đồng với tư tưởng "tương thân tương ái", "thương người như thể thương thân" của người Việt. Vì thế Phật giáo nhanh chóng được tiếp nhận và hòa nhập cùng với tín ngưỡng dân gian của người Việt. Sự thích nghi này chính là cơ sở cho sự ra đời của Phật giáo Tứ Pháp - một hình thức Phật giáo dân gian của người Việt. Sự dung hòa giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian là tiền đề để cho những thần linh nông nghiệp bản địa nương theo hào quang của Phật pháp, nâng quyền năng linh thiêng của mình lên một tầm cao hơn. Và hình ảnh Man Nương trong truyền thuyết Phật mẫu Man Nương là hiện thân của sự hòa nhập ấy.

Truyện Man Nương là tác phẩm văn học được xây dựng từ văn học dân gian truyền khẩu kể về Man Nương hay chính là kể về sự tích hình thành Tứ Pháp. Các văn bản cổ ghi lại truyện Man Nương như: "Man Nương truyện" trong *Lĩnh Nam chích quái* của Trần Thế Pháp, Ván khắc *Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục* (Hán văn kèm diễn Nôm) viết tắt là "Cổ Châu lục" được xem là bản sớm nhất ghi nhận về cội rễ hình thành hệ Tứ Pháp còn lưu truyền cho đến ngày nay. Ván khắc này có niên hiệu vào năm Cảnh Hưng năm thứ 13 (1752) hiện nay còn lưu trữ tại chùa Dâu. Nội dung văn bản này được xác định là có trước đó vì mô tả hội Dâu dưới thời Hồng Đức và gọi Trung Quốc là Đại Minh. Vì vậy văn bản có lẽ được soạn trong khoảng 1470 – 1644, Ván khắc *Cổ Châu Phật bản hạnh* (văn vần lục bát chữ Nôm) viết tắt là *Cổ Châu hạnh*, khắc vào niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 13 (1752), nội dung tương tự *Cổ Châu lục*. Ngoài ra "Truyện Man Nương" còn có trong bài thơ trường thiên *Pháp Vân cổ tự bi ký* của Lý Tử Tấn được chép lại trong *Toàn Việt thi lục* và *Kiến văn tiểu lục*, đều do Lê Quý Đôn biên soạn. Dù có khác biệt về tiểu tiết, tên gọi nhưng nội dung chính của "Truyện Man Nương" tương đối giống nhau đều mang cùng một ý nghĩa nhằm giải thích nguồn gốc ra đời của hệ thống tín ngưỡng thờ Tứ Pháp mang đậm tính thần thoại ở nước ta, thể hiện rõ sự hòa trộn giữa tín ngưỡng dân gian với yếu tố Phật giáo và có thể được tóm tắt như sau: Truyền thuyết kể rằng thuở xưa Man Nương là một người con gái rất sùng đạo. Năm 10 tuổi đến theo học đạo ở chùa Linh Quang, nay là huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Tại chùa có thiền sư Khâu Đà La là một vị cao tăng đầu tiên sang Việt Nam truyền đạo tại đây. Một hôm, Thiền sư đi

vắng và dặn Man Nương trông coi chùa cẩn thận. Tối đến Man Nương ngủ ở thềm, Khâu Đà La về và bước qua người, sau đó bà thụ thai. Cha mẹ Man Nương trách cứ thì Khâu Đà La dặn rằng đó là con Phật, không phải lo phiền. Hai mươi tháng sau, Man Nương sinh hạ một người con gái vào ngày 8 tháng tư (âm lịch), đem đến chùa trả lại Thiền sư. Thiền sư dùng cây tầm xích (gậy tích trượng) gõ vào cây dung thụ (dâu) ở cạnh chùa. Cây dâu tách ra, Thiền sư để đứa trẻ vào trong, cây lại khép vào. Khâu Đà La trao cho Man Nương cây gậy và dặn khi nào hạn hán thì đem gậy cắm xuống đất để cứu nhân dân. Khi vùng Dâu bị hạn hán ba năm liền, nhớ đến lời dặn của Thiền sư, Man Nương đã đem cây gậy thần cắm xuống đất. Ngay lập tức nước phun lên, cây cối, ruộng đồng lại tươi tốt và chúng sinh thoát nạn hạn hán. Tiếp đó có trận mưa to, cây dâu bị gió bão quật đổ xuống sông Thiên Đức (sông Dâu) rồi trôi về Luy Lâu. Khi đó, Thái thú Sĩ Nhiếp cho quân lính vớt lên để làm nóc điện Kính Thiên, nhưng không ai lay chuyển nổi. Man Nương đi qua liền xuống sông, buộc dải yếm vào kéo cây lên dễ dàng. Sĩ Nhiếp thấy thế kính sợ, tuyển mười người họ Đào tạc tượng Tứ pháp là Pháp Vân - Pháp Vũ - Pháp Lôi - Pháp Điện tượng trưng cho Mây, Mưa, Sấm, Chớp để thờ. Bốn bức tượng Phật đó được đặt ở bốn ngôi chùa khác nhau ở trên cùng một khu vực là Chùa Dâu, Chùa Đậu, Chùa Dàn, Chùa Tướng. Khi thợ tạc tượng thấy trong thân cây một khối đá bèn vứt xuống sông. Đến đêm thấy lòng sông rực sáng, Sĩ Nhiếp cho người vớt nhưng không tài nào vớt được. Man Nương liền đi thuyền ra giữa sông thì khối đá tự nhiên nhảy vào lòng. Khối đá ấy gọi là Thạch Quang Phật (Phật đá tỏa sáng).

Như vậy, Man Nương là người đã cứu giúp dân làng trong lúc hạn hán, bà còn có thể điều khiển các hiện tượng tự nhiên mà tượng trưng chính là hệ thống các vị thần Tứ Pháp. Bà được coi là Phật Mẫu khi có lòng yêu thương, bao dung cứu vớt dân làng trước các hiện tượng thiên nhiên hà khắc. Tác phẩm đã phản ánh sự gặp gỡ và kết hợp giữa tín ngưỡng dân gian thờ Mẫu và đạo Phật. Nhờ sự tiếp nhận Phật giáo, bốn vị thần nông nghiệp Bà Dâu, Bà Đậu, bà Tướng, bà Dàn đã trở thành những vị Phật bà – Tứ pháp: Pháp Vân (thần Mây), Pháp Vũ (thần Mưa), Pháp Lôi (thần Sấm), Pháp Điện (thần Sét) mang ý nghĩa cầu mong cho mưa thuận gió hòa, sinh sôi nẩy nở.

Bên cạnh cơ sở trên, cầu đảo Tứ Pháp còn xuất phát từ quan niệm tam tài đó là thiên, địa, nhân. Con người ở giữa thiên và địa. Ba yếu tố này có liên hệ mật thiết với nhau. Song song với thuyết tam tài là thuyết thiên nhân hợp nhất trong tư tưởng Nho gia. Thuyết này khẳng định gữa con người và thiên nhiên tồn tại độc lập nhưng có sự thống nhất với nhau. Chỉ khi nào mối quan hệ này hài hòa thì thiên nhiên mới mưa thuận gió hòa, cuộc sống con người mới thuận lợi. Các vị vua khi đó là những người theo học Nho gia nên thấm nhuần tư tưởng này. Gặp những năm mưa thuận, gió hòa thì họ cho rằng trời ban phước lành. Năm nào thiên tai, dịch bệnh, mất mùa, nhà vua cho rằng họ đã phạm lỗi hoặc đức của mình chưa đủ mà trời trừng phạt. Những năm ấy nhà vua thường xuống chiếu răn mình đồng thời tiến hành cúng cầu đảo nhằm an dân. Điều này đều được chính sử ghi lại.

Có thể nói tín ngưỡng dân gian thờ Tứ Pháp là sản phẩm văn hóa của người Việt trong mối quan hệ giữa tự nhiên và xã hội. Chính phương thức sản xuất nông nghiệp lúa nước và kết cấu gia đình tiểu nông phụ quyền đã làm nên tín ngưỡng dân gian nói chung và tín ngưỡng thờ mẫu nói riêng. Ngoài tín ngưỡng dân gian, Việt Nam là một đất nước đa tôn giáo. Các tôn giáo du nhập vào như Phật Giáo, Nho giáo, tín ngưỡng Phồn thực, Kito giáo… du nhập vào Việt Nam khá sớm. Các tôn giáo này không đứng ngoài, độc lập mà tín ngưỡng dân gian đã thu nhận chọn lọc để tạo ra một sản phẩm tinh thần mang bản sắc của người Việt.

2.2. Tín ngưỡng Tứ Pháp với tục cầu đảo (cầu mưa, cầu tạnh) của cư dân Việt cổ

Bằng phương pháp khảo sát, liệt kê, thống kê các bộ sử lớn là *bộ Toàn thư*, tập I, tập II, Nxb. Khoa học xã hội năm 1993; *Việt sử lược*, Nxb Văn Sử Địa, năm 1960; *Cương mục*, tập I, tập II, Nxb Giáo Dục, năm 1998; chúng tôi tìm được một số thông tin về việc cúng cầu đảo Tứ pháp. Các lần cầu đảo Tứ Pháp chủ yếu diễn ra vào thời Lý. Thời Trần ngoài năm 1356 ghi lại sự kiện lập đàn chay cầu đảo cho Thượng hoàng "Hiến Từ Thái hậu thiết pháp lập đàn chay ở chùa Chiêu Khánh, phát tiền bố thí dân nghèo để cầu đảo cho Thượng Hoàng"[1] ra thì không thấy ghi chép về cầu đảo

[1] Toàn thư, Q.I, tr.739